

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày 12-3-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy

2. Bà Lâm Lệ Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Ni - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/TLST - HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn N (tên gọi khác: Tùng), sinh ngày 10 tháng 9 năm 1996, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp H, xã T huyện C, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 4; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Võ Thị T; Bị cáo chưa có vợ con Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2020 đến ngày 01/10/2020; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 22/2021/LCCT-TA ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên. (Bị cáo có mặt).

Người bị hại: Ông Lưu Quốc K, sinh năm 1997 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 4, phường T, thành phố H, tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Kinh 8B, xã T, huyện T, tỉnh K. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/9/2020 thông qua mạng xã hội facebook Lê Văn N thấy tài khoản “Luu Khải V” của Lưu Quốc K đăng bán chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 68T1-190.09 nên Lê Văn N sử dụng tài khoản Facebook tên “N con” vào bình luận và kết bạn với “Luu Khải V”. Sau đó hai bên nhắn tin Messenger để thỏa thuận việc mua bán chiếc xe trên. Quá trình thỏa thuận Nam phát hiện chiếc xe máy trên không rõ nguồn gốc nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến ngày 19/9/2020, Lê Văn N chuẩn bị 45 tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi số 100.000đ và 200.000đ, 01 điện thoại di động đã bị hư hỏng, 02 thẻ ATM đã hết hạn sử dụng để vào cặp và bắt xe khách đến Hà Tiên.

Đến khoảng 16 giờ ngày 19/9/2020 N điện thoại cho K mang xe đến quán Cafe Kim Dữ thuộc Khu phố 2, phường P, thành phố H, tỉnh K, Lê Văn N và Lưu Quốc K thỏa thuận và thống nhất giá mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển kiểm soát 68T1 – 190.09 với giá 26.000.000 đồng. N yêu cầu được chạy thử xe, bị cáo đưa cho K một cái cặp đựng các tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi số 100.000 đồng và 200.000 đồng, 01 điện thoại di động bị hư hỏng, 02 thẻ ATM hết hạn sử dụng đã được bị cáo chuẩn bị trước giao cho K để K tin tưởng và giao xe cho bị cáo điều khiển. Sau khi nhận được xe bị cáo điều khiển xe rời khỏi thành phố H đến huyện T, tỉnh K và giao xe cho anh Phạm Văn T làm tin để mượn số tiền 3.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân. Sau khi giao xe không thấy N quay lại nên K đến Công an phường P trình báo sự việc. Qua xác minh, mời làm việc bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/BB-HĐ ngày 25/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên kết luận một xe máy nhãn hiệu SUZUKI, số loại: RGV, màu sơn trắng, đỏ, biển kiểm soát: 68T1-190.09, số máy: F1241009977; số khung: RU120UA00977 có giá 10.000.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1078/KL-KTHS ngày 13/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang kết luận xe mô tô biển kiểm soát 68T1-190.09 có số khung “RU120U – A00977” được đóng trên tấm kim loại khác, cắt hàn vào vị trí đóng số khung của xe này; Số máy: “F124 - 100977” là số đóng lại, số nguyên thủy của số máy là “E110 – TH130652”.

Tại bản kết luận giám định số 1079/KL-KTHS ngày 30/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang kết luận giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY” số: 163584 là giả.

Vật chứng trong vụ án:

1. Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại: RGV, màu sơn trắng, đỏ; biển kiểm soát số 68T1– 190.09, số máy: F124100977, số khung: RU120UA00977 (xe đã qua sử dụng).
2. Một giấy chứng nhận mô tô, xe máy số 163584 (đã qua sử dụng).
3. Một cặp da màu đen, trên cặp cặp có chữ NIJUM MAHI và chữ Clarks New Fashion (đã qua sử dụng).
4. Một ví da màu đen có chữ CAMRY (đã qua sử dụng).
5. Một thẻ tín dụng Viet Credit số 9704608871615563 (đã qua sử dụng).
6. Một thẻ Visa Vietinbank (đã qua sử dụng).
7. Bốn mươi bốn tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi 100.000 đồng, có cùng số seri HB3062009;
8. Hai mươi một tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi 200.000 đồng, có cùng số seri BS03290812.
9. Một điện thoại di động màu ghi có chữ Itel Model 11502 Plus Desiged by itel in Hong Kong (đã bị hư hỏng).

Vật chứng nêu trên hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lưu Quốc K yêu cầu bị cáo Lê Văn N bồi thường số tiền 25.000.000 đồng là giá trị của chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSHT ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ quyền công tố luận tội và kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn N có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N mức án từ 9 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, theo đó bị cáo Lê Văn N bồi thường cho bị hại Lưu Quốc K số

tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Còn ông Phạm Văn T không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 3.000.000đ đã mượn nên miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu sung công vật chứng là một chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại: RGV, màu sơn trắng, đỏ; biển kiểm soát số 68T1 – 190.09, số máy: F124100977, số khung: RU120UA00977 (xe đã qua sử dụng);

Tịch thu tiêu hủy vật chứng là một giấy chứng nhận mô tô, xe máy số 163584 (đã qua sử dụng); một cặp da màu đen, trên cặp cặp có chữ NIJUM MAHI và chữ Clarks New Fashion (đã qua sử dụng); Một ví da màu đen có chữ CAMRY (đã qua sử dụng); Một thẻ tín dụng Viet Credit số 9704608871615563 (đã qua sử dụng); Một thẻ Visa Vietinbank (đã qua sử dụng); Bốn mươi bốn tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi 100.000 đồng, có cùng số seri HB3062009; Hai mươi một tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi 200.000 đồng, có cùng số seri BS03290812; Một điện thoại di động màu ghi có chữ Itel Model 11502 Plus Designed by Itel in Hong Kong (đã bị hư hỏng);

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị hại: Thống nhất với quan điểm luận tội của Viện Kiểm sát, đề nghị hội đồng xét xử xử bị cáo đúng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đã biết ăn năn hối cải, xin lỗi phía bị hại, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được làm việc có tiền bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Hà Tiên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, lời nhận tội của

bị cáo phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác đã thu thập trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở khẳng định:

Thông qua mạng xã hội Facebook, bị cáo N quen biết với K. Do có ý định chiếm đoạt chiếc xe mà K đang bán nên Nam đã dùng thủ đoạn gian dối bằng việc chuẩn bị một cái cặp đựng các tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi số 100.000đ và 200.000đ, 01 điện thoại di động đã bị hư, 02 thẻ ATM đã hết hạn sử dụng đã chuẩn bị sẵn để đi gặp K giao dịch mua xe. Vào khoảng 16h ngày 19/9/2020 tại khu phố 2, phường P, Thành phố H tỉnh Kiên Giang Lê Văn N gặp Lưu Quốc K để thỏa thuận mua bán chiếc xe máy nhãn hiệu SUZUKI biển kiểm soát 68T1-190.09 do Lưu Quốc K đang sử dụng với giá 26.000.000đ. N đã giao cho K giữ chiếc cặp trên để K tin tưởng giao xe cho N chạy thử xe. Khi nhận xe để chạy thử N điều khiển xe rời khỏi thành phố H đến huyện T tỉnh K giao xe cho anh Phạm Văn T làm tin để mượn 3.000.000đ tiêu xài cá nhân. Qua định giá chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki có giá trị 10.000.000đ.

Từ đó đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3]. Hành vi của bị cáo Lê Văn N là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức và biết rằng hành vi dùng thủ đoạn gian dối để tạo lòng tin ở bị hại để chiếm đoạt chiếc xe là trái pháp luật. Mặc dù theo kết luận giám định xe mô tô biển kiểm soát 68T1-190.09 có số khung được đóng trên tấm kim loại khác, cắt hàn vào vị trí đóng số khung của xe này; Số máy là số đóng lại, Giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY” số: 163584 là giả. Nhưng hành vi của bị cáo là nhằm xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải bị xử lý nghiêm và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi mà bị cáo đã gây ra để nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và bị cáo thống nhất mức bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Ông Phạm Văn T không yêu cầu xem xét buộc Lê Văn N trả lại số tiền đã mượn là 3.000.000.000đ nên miễn xét.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Do chiếc xe là vật chứng của vụ án bị đợc thay đổi số khung số máy, giấy tờ giả nên là vật cấm lưu hành không tìm được chủ sở hữu thực sự nên tịch thu sung công chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại: RGV, màu sơn trắng, đỏ; biển kiểm soát số 68T1-190.09, số máy: F124100977, số khung: RU120UA00977 (xe đã qua sử dụng);

Tịch thu tiêu hủy vật chứng là một giấy chứng nhận mô tô, xe máy số 163584 (đã qua sử dụng); một cặp da màu đen, trên cặp cặp có chữ NIJUM MAHI và chữ Clarks New Fashion (đã qua sử dụng); Một ví da màu đen có chữ CAMRY (đã qua sử dụng); Một thẻ tín dụng Viet Credit số 9704608871615563 (đã qua sử dụng); Một thẻ Visa Vietinbank (đã qua sử dụng); Bốn mươi bốn tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi 100.000 đồng, có cùng số seri HB3062009; Hai mươi một tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi 200.000 đồng, có cùng số seri BS03290812; Một điện thoại di động màu ghi có chữ Itel Model 11502 Plus Designed by itel in Hong Kong (đã bị hư hỏng);

[8]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ và án phí dân sự thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 174, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn N** (tên gọi khác là T) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1./ Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn N** 9 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 22/9/2020 đến ngày 01/10/2020.

2./ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 585 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, theo đó bị cáo Lê Văn N bồi thường cho bị hại Lưu Quốc K số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Ghi nhận việc anh Phạm Văn T không yêu cầu bị cáo Lê Văn N trả lại số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có

nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3./ Về tang vật vụ án:

- Căn cứ khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại: RGV, màu sơn trắng, đỏ; biển kiểm soát số 68T1 – 190.09, số máy: F124100977 (Số máy: “F124 - 100977” là số đóng lại, số nguyên thủy của số máy là “E110 – TH130652”), số khung: RU120UA00977 được đóng trên tấm kim loại khác, cắt hàn vào vị trí đóng số khung của xe này (xe đã qua sử dụng).

- Căn cứ vào khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy một giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 163584 (đã qua sử dụng); một cặp da màu đen, trên cặp cặp có chữ NIJUM MAHI và chữ Clarks New Fashion (đã qua sử dụng); Một ví da màu đen có chữ CAMRY (đã qua sử dụng); Một thẻ tín dụng Viet Credit số 9704608871615563 (đã qua sử dụng); Một thẻ Visa Vietinbank (đã qua sử dụng); Bốn mươi bốn tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi 100.000 đồng, có cùng số seri HB3062009; Hai mươi một tờ tiền ngân hàng địa phủ có ghi 200.000 đồng, có cùng số seri BS03290812; Một điện thoại di động màu ghi có chữ Itel Model 11502 Plus Desiged by itel in Hong Kong (đã bị hư hỏng); (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/02/2021). Giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên có trách nhiệm xử lý theo quy định.

4./ Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Lê Văn N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

5./ Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Công an tỉnh Kiên Giang (Phòng HS);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Bị cáo;
- Bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSYA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Đăng